TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: 92/2023/HNGĐ – ST
Ngày 13/6/2023.
V/v: Xin ly hôn và con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nữ Hoàng Yến – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐXX – HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 và thông báo chuyển thời gian xét xử số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 360/4 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Quang A – sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 360/4 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:** Giữa tôi và anh Phạm Quang A có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/7/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, bản thân hai vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nay tôi xác

định không còn tình cảm với anh Phạm Quang A nên đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Phạm Quang V, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Phạm Vinh Q, sinh ngày 13/8/2013. Sau khi ly hôn tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Vinh Q, giao cho anh Phạm Quang A trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Quang V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai anh Phạm Quang A trình bày:** Giữa tôi và bà Nguyễn Thị T có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/7/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay tôi xác định hai vợ chồng không thể đoàn tụ lại với nhau, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân, nên tôi đồng ý ly hôn với chị T và đề nghị Tòa án cho chúng tôi được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Phạm Quang V, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Phạm Vinh Q, sinh ngày 13/8/2013. Sau khi ly hôn tôi sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Quang V và Chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phạm Vinh Q.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Phạm Quang A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên Tòa: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quanh A đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì

vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về nội dung: Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang A có chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/7/2008 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân, bản thân hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho anh chị được thuận tình ly hôn với nhau.

3.1. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang A đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án chị T và anh A đều xác định tình trạng mâu thuẫn hai vợ chồng mà không có biện pháp khắc phục và hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân hai vợ chồng đều thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Phạm Quang A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

3.2. Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang A có 02 con chung là cháu Phạm Quang V, sinh ngày 27/6/2009 và cháu Phạm Vinh Q, sinh ngày 13/8/2013. Quá trình làm việc và khai tại Tòa án chị T và anh A thống nhất sau khi ly hôn cháu Phạm Quang V do anh Phạm Quang A sẽ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; cháu Phạm Vinh Q do chị Nguyễn Thị T sẽ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, khi làm việc trực tiếp tại Tòa án bản thân cháu Phạm Quang V có nguyện vọng được ở với bố là Phạm Quang A và cháu Phạm Vinh Q được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho các cháu, nên cần giao cháu Phạm Quang V, sinh ngày 27/6/2009 cho anh Phạm Quang A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và giao cháu Phạm Vinh Q, sinh ngày 13/8/2013 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

3.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Quang A.

- *Về con chung:*

+ Giao cháu Phạm Quang V, sinh ngày 27/6/2009 cho anh Phạm Quang A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ Giao cháu Phạm Vinh Q, sinh ngày 13/8/2013 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quang A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm do chị Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001442 ngày 09/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-……;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Y Kam Ênuôl